

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 365 /UBND-NC

Định Quán, ngày 17 tháng 02 năm 2023

V/v triển khai thực hiện Quyết định  
số 67/QĐ-BTP ngày 27/01/2023  
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn Định Quán.

Ngày 27/01/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 67/QĐ-BTP về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Tư pháp năm 2022.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả quyết định nêu trên, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiên cứu nội dung quyết định trên triển khai thực hiện trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật (*đính kèm Quyết định số 67/QĐ-BTP*).

2. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin đăng tải toàn bộ nội dung Quyết định số 67/QĐ-BTP lên Trang thông tin điện tử của UBND huyện theo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện về việc triển khai thực hiện Quyết định số 67/QĐ-BTP ngày 27/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Tư pháp năm 2022. Đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó Chánh VP;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thị Diễm Châu*  
**Nguyễn Thị Diễm Châu**

Số: 67/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực,  
ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước  
của Bộ Tư pháp năm 2022**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp năm 2022 (Danh mục văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Công báo (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục KTrVB (NC).



**Lê Thành Long**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần  
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp năm 2022**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 67/QĐ-BTP ngày 27/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2022**

| STT                                     | Tên loại văn bản   | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản                                                                                                                              | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b> |                    |                                                                                                                                                                                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                   |                                   |
| <b>I.1. LĨNH VỰC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT</b> |                    |                                                                                                                                                                                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                   |                                   |
| 1                                       | Thông tư liên tịch | - Số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN ngày 09/6/2008;<br>- Hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với Cựu chiến binh. | Mục 1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật      | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2022/TT-BTP ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành | 25/10/2022                        |

| STT                                           | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản                                                                                | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                     | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>1.2. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ</b>       |                  |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                   |
| 2                                             | Luật             | - Số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008;<br>- Thi hành án dân sự.                                                                                        | Điều 55; Điều 56; Điều 57                                                                                                                                                           | Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự | 01/3/2022                         |
| 3                                             | Thông tư         | - Số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016;<br>- Hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự. | Các biểu mẫu về khiếu nại, tố cáo ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP                                                                                                      | Được thay thế bởi các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự                                                                           | 13/02/2022                        |
| <b>1.3. LĨNH VỰC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH</b> |                  |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                   |
| 4                                             | Luật             | - Số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012;<br>- Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Hải Quan                                           | - Khoản 5 Điều 2; điểm d khoản 1 Điều 3; Điều 4; điểm a khoản 1 Điều 6; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 6; khoản 6 Điều 12; khoản 4 và khoản 6 Điều 17; khoản 3 Điều 18; khoản 3 Điều | Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                                                                    | 01/01/2022                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản               | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  | số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 và Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017). | <p>21; khoản 3 và khoản 4 Điều 23; khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 3 Điều 25;</p> <p>- Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 39;</p> <p>- Khoản 3, khoản 4 Điều 40;</p> <p>- Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 5, khoản 7 Điều 41;</p> <p>- Khoản 6 Điều 41;</p> <p>- Điều 42;</p> <p>- Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 4 Điều 43; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 45; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 46;</p> <p>- Khoản 5 Điều 46;</p> <p>- Đoạn mở đầu của các khoản: khoản 2 Điều 47; khoản 4 Điều 48; khoản 5 Điều 49; khoản 4 Điều 52;</p> <p>- Điều 53; Điều 54; Điều 58; Điều 61; khoản 1 và khoản 2 Điều 63; Điều 64; khoản 2 Điều 65; Điều 66; khoản 2 và khoản 3 Điều 71; khoản 1 Điều 74; Điều 76; Điều 77; khoản 1 Điều 78; khoản 1 Điều 79; khoản 5 Điều 80;</p> |                                    |                                   |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                          | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |                                                                     | khoản 1 Điều 86; Điều 87; khoản 1 Điều 88; điểm c khoản 3 Điều 88; Điều 90; Điều 92; khoản 1 Điều 94; khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 97; khoản 1 Điều 98; khoản 3 Điều 99; khoản 1 Điều 100; khoản 3 Điều 101; khoản 1 Điều 102; Điều 103; khoản 1 Điều 104; Điều 107; khoản 1 Điều 110; khoản 3 Điều 118; khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 122; Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 124; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 125; khoản 1, khoản 4, khoản 6 Điều 126; Điều 131; khoản 3 Điều 132; khoản 3 Điều 134; khoản 1 Điều 140. |                                                                                                                                                                             |                                   |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “tháo dỡ” tại điểm b khoản 1 Điều 28 và Điều 30                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Được thay bằng cụm từ “phá dỡ” theo quy định tại điểm a khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “50.000.000 đồng” tại điểm b khoản 2 Điều 38 và điểm b khoản 5 Điều 39                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Được thay bằng cụm từ “100.000.000 đồng” theo quy định tại điểm b khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều                         | 01/01/2022                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                           | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |                                                                     |                                                                                | của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                                                                            |                                   |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “quản lý rừng, lâm sản” tại điểm b khoản 5 Điều 43                      | Được thay bằng cụm từ “lâm nghiệp” theo quy định tại điểm c khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                              | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “25.000.000 đồng” tại điểm b khoản 2 Điều 47                            | Được thay bằng cụm từ “50.000.000 đồng” theo quy định tại điểm d khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                         | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “24 giờ” tại khoản 3 Điều 60                                            | Được thay bằng cụm từ “48 giờ” theo quy định tại điểm d khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                  | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “cơ quan tiến hành tố tụng” tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 62 | Được thay bằng cụm từ “cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng” theo quy định tại điểm e khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “bệnh viện” tại điểm d khoản 2 Điều 94, điểm b khoản 2 Điều 96, điểm    | Được thay bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở                                                                                                                                         | 01/01/2022                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                    | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                     | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |                                                                     | a khoản 1 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 111                                                                                                                                                                                                                       | lên” theo quy định tại điểm g khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                                                      |                                   |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “03 ngày” tại khoản 2 Điều 98                                                                                                                                                                                                                               | Được thay bằng cụm từ “02 ngày làm việc” theo quy định tại điểm h khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                  | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “02 người chứng kiến” tại khoản 4 Điều 128 và khoản 3 Điều 129                                                                                                                                                                                              | Được thay thế bằng cụm từ “ít nhất 01 người chứng kiến” theo quy định tại điểm i khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                   | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” tại điểm c khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 39; điểm c khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 41; điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 43; điểm c khoản 3 Điều 44; điểm | Được thay bằng cụm từ “có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” theo quy định tại điểm k khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính | 01/01/2022                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                     | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |                                                                     | c khoản 2 Điều 45; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 48; điểm c khoản 2 Điều 49                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                        |                                   |
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này” tại điểm c khoản 1 Điều 38                                                                                                                                                                                                                                         | Được thay bằng cụm từ “có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” theo quy định tại điểm k khoản 73 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Khoản 3 Điều 49                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Được bãi bỏ bởi điểm b khoản 25 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                                                             | 01/01/2022                        |
|     |                  |                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụm từ “06 tháng.” tại khoản 3 và điểm c khoản 5 Điều 17;</li> <li>- Cụm từ “Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật này.” tại Điều 26;</li> <li>- Cụm từ “có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b</li> </ul> | Được bỏ theo quy định tại khoản 74 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                                                          | 01/01/2022                        |

| STT                                | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản                                              | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                               | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                             | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|                                    |                  |                                                                                                                  | <p>khoản này” tại điểm d khoản 2 Điều 38, điểm d khoản 5 Điều 39, điểm c khoản 4 Điều 44, điểm c khoản 3 Điều 45, điểm d khoản 2 Điều 47, điểm c khoản 4 Điều 49;</p> <p>- Cụm từ “được sử dụng để” tại điểm c khoản 4 Điều 48;</p> <p>- Cụm từ “khoản 5 và khoản 9” tại khoản 3 Điều 60.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                   |
|                                    |                  |                                                                                                                  | Điều 50, Điều 82 và Điều 142                                                                                                                                                                                                                                                                  | Được bãi bỏ bởi khoản 75 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                                            | 01/01/2022                        |
| <b>I.4. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b> |                  |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                   |
| 5                                  | Thông tư         | <p>- Số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011;</p> <p>- Về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.</p> | Điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 9 ; khoản 1 Điều 10                                                                                                                                                                                                                               | Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam | 11/02/2022                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                           | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |                                                                     | Cụm từ “được giới thiệu” tại điểm e và cụm từ “đã được giới thiệu làm con nuôi” tại điểm i khoản 1 Điều 6 | Được thay bằng cụm từ “được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam | 11/02/2022                        |
|     |                  |                                                                     | Dấu “.” ở cuối câu tại điểm l khoản 1 Điều 6 và điểm e khoản 1 Điều 12                                    | Được thay bằng dấu “;” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam                                              | 11/02/2022                        |

| STT                                                  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                               | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|                                                      |                  |                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụm từ “Hạn báo cáo được tính như sau:” tại khoản 1 Điều 9;</li> <li>- Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 9;</li> <li>- Cụm từ “gửi Tổng hợp” tại khoản 3 Điều 9;</li> <li>- Điều 7.</li> </ul> | Được bãi bỏ bởi khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam | 11/02/2022                        |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có</b> |                  |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2022**

| STT                                                  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có</b>    |                  |                                                |                     |                                    |                                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có</b> |                  |                                                |                     |                                    |                                   |

**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH MỤC****Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ  
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp năm 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~67~~ /QĐ-BTP ngày 27/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2022**

| STT                                     | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản                                                                                        | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                             | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----------------------------------------|------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>  |                  |                                                |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                |                                   |
| <b>I.1. LĨNH VỰC BỒ TRỢ TƯ PHÁP</b>     |                  |                                                |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                |                                   |
| 1.                                      | Thông tư         | Số 19/2013/TT-BTP<br>ngày 28 tháng 11 năm 2013 | Hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư                                                                         | Được thay thế bởi Thông tư số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư                                                                       | 25/01/2022                        |
| <b>I.2. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ</b> |                  |                                                |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                |                                   |
| 2.                                      | Thông tư         | Số 02/2016/TT-BTP<br>ngày 01 tháng 02 năm 2016 | Quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự | Được thay thế bởi Thông tư số 13/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự | 13/02/2022                        |

| STT                                           | Tên loại văn bản   | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản              | Tên gọi của văn bản                                                               | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 3.                                            | Thông tư liên tịch | Số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 31 tháng 5 năm 2016 | Hướng dẫn phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự                              | Được thay thế bởi Thông tư liên tịch số 12/2021/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự, theo đổi thi hành án hành chính liên ngành | 25/02/2022                        |
| <b>I.3. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ</b>           |                    |                                                             |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                   |
| 4.                                            | Thông tư           | Số 1611/TT ngày 27 tháng 11 năm 1996                        | Hướng dẫn thực hiện việc chia tách tỉnh đối với các cơ quan tư pháp địa phương    | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2022/TT-BTP ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành                                                                                                                 | 25/10/2022                        |
| <b>I.4. LĨNH VỰC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH</b> |                    |                                                             |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                   |
| 5.                                            | Nghị định          | Số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013                   | Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính | Được thay thế bởi Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                                     | 01/01/2022                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản                                                                                                                                                                                                                 | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 6.  | Nghị định        | Số 111/2013/NĐ-CP<br>ngày 30 tháng 9 năm 2013  | Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn                                                                                                                                                | Được thay thế bởi Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn                  | 01/01/2022                        |
| 7.  | Nghị định        | Số 56/2016/NĐ-CP<br>ngày 29 tháng 6 năm 2016   | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn                                            | Được thay thế bởi Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn                  | 01/01/2022                        |
| 8.  | Nghị định        | Số 97/2017/NĐ-CP<br>ngày 18 tháng 8 năm 2017   | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính                                                | Được thay thế bởi Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính                     | 01/01/2022                        |
| 9.  | Thông tư         | Số 19/2015/TT-BTP<br>ngày 28 tháng 12 năm 2015 | Quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trường phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2022/TT-BTP ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành | 25/10/2022                        |

| STT                                     | Tên loại văn bản   | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản   | Tên gọi của văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                         | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 10.                                     | Thông tư           | Số 09/2017/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2017      | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trường phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2022/TT-BTP ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành          | 25/10/2022                        |
| <b>I.5. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>   |                    |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                            |                                   |
| 11.                                     | Thông tư liên tịch | Số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23 tháng 6 năm 2016 | Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                   | Được thay thế bởi Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 05/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý | 20/10/2022                        |
| <b>I.6. LĨNH VỰC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT</b> |                    |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                            |                                   |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản                                                                             | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                    | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 12. | Thông tư         | Số 07/2014/TT-BTP<br>ngày 24 tháng 02 năm 2014 | Hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính | Được thay thế bởi Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | 28/3/2022                         |

#### I.7. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

|     |          |                                               |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                      |            |
|-----|----------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 13. | Thông tư | Số 07/2017/TT-BTP<br>ngày 28 tháng 7 năm 2017 | Quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Được thay thế bởi Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | 01/01/2022 |
|-----|----------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### I.8. LĨNH VỰC KHÁC

|     |          |                                                |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                         |            |
|-----|----------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 14. | Thông tư | Số 17/2013/TT-BTP<br>ngày 07 tháng 08 năm 2013 | Quy định quy trình ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành | Được thay thế bởi Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành | 01/01/2022 |
|-----|----------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

Tổng số (I): 14 văn bản

II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2022**

| STT                                                 | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản                                                                                                                                            | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>              |                  |                                                |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                   |
| 1                                                   | Thông tư         | Số 03/2015/TT-BTP<br>ngày 01 tháng 4 năm 2015  | Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam và đăng ký khai sinh, kết hôn cho người di cư tự do tại các huyện của Việt Nam tiếp giáp với Lào | Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước đã hết hiệu lực kể từ ngày 14/11/2019 (Điều 9 Thông tư số 03/2015/TT-BTP quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2015 và sẽ hết hiệu lực khi Thỏa thuận chấm dứt hiệu lực”) | 14/11/2019                        |
| <b>Tổng số (I): 01 văn bản</b>                      |                  |                                                |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có</b> |                  |                                                |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                   |